

Điền to V hoặc Ving tương ứng với phần động từ ở cột trái

1. Begin	
2. Continue	
3. Deny	
4. Fail	
5. Expect	
6. Refuse	
7. Love	
8. Offer	
9. Bear	
10. Enjoy	
11. Admit	
12. Avoid	
13. Practice	
14. Agree	
15. Anticipate	
16. It's no good ...	
17. Stop + ...: dừng để làm gì	
18. Stop + ...: dừng việc đang làm	
19. Regret + ...: rất tiếc về	
20. Regret + ...: hối hận vì	